

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013 và được đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 15 tháng 09 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/09/2014 là 125.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng chẵn*).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bao bì nhựa.

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Sản xuất sôcôla và mứt kẹo;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác dầu thô; Khai thác quặng sắt; Khai thác kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc sắt, thép; Đúc kim loại màu; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn đập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại;
- Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại; Dịch vụ liên quan đến in; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động thiết kế chuyên dụng trang trí nội thất;
- Đại lý; May trang phục; Sản xuất hàng may sẵn; Sản xuất plastci và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;

Hoạt động viễn thông khác; Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật về thuế.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

c) Các khoản cho vay:

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phải thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng

thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-40 năm
- Máy móc, thiết bị	06-15 năm
- Phương tiện vận tải	05-06 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh****8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại****9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả****15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.861.099.487	1.995.492.964
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.006.590.380	3.200.390.713
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	6.867.689.867	5.195.883.677

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Đầu tư vào Công ty con				
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Dệt kim Phú Vinh Hưng (tỷ lệ sở hữu 25%)</i>	-		20.000.000.000	
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư NHP (tỷ lệ sở hữu 37%) (*)</i>	20.000.000.000		-	
<i>Công ty Cổ phần Delex Việt Nam (tỷ lệ sở hữu 22,22%)</i>	10.000.000.000		10.000.000.000	
- Đầu tư dài hạn khác	15.000.000.000		15.000.000.000	
<i>Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn</i>	8.000.000.000		8.000.000.000	
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường</i>	5.000.000.000		5.000.000.000	
<i>Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái</i>	2.000.000.000		2.000.000.000	
Cộng	45.000.000.000	-	45.000.000.000	

(*) Theo Nghị quyết số 06A/NHP/NQ-HĐQT/2015 ngày 12/6/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP, Công ty đầu tư góp vốn 55 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Đầu tư NHP chiếm tỷ lệ 37% vốn. Đến thời điểm ngày 30/06/2015 Công ty đã góp 20 tỷ đồng.

3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	25.853.164.943	26.643.022.543
- Công ty Cổ phần Sapa Việt Nam	3.850.000.000	-
- Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	2.827.000.000	1.850.000.000
- Công ty TNHH Thịnh Phát	16.356.859.696	13.231.255.317
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.819.305.247	11.561.767.226
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
- Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	2.827.000.000	1.850.000.000
Cộng	25.853.164.943	26.643.022.543

4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY VÀ PHẢI THU KHÁC

5 . HÀNG TỒN KHO	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	2.166.483.761	840.935.854
Công cụ, dụng cụ	13.586.911	13.086.911
Chi phí SXKD dở dang	5.608.734.431	2.981.571.769
Thành phẩm nhập kho	899.421.843	866.157.719
Hàng hóa	9.428.173	-
Cộng	8.697.655.119	4.701.752.253

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP
 Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.909.090.909	13.609.432.727				54.518.523.636
Tăng trong kỳ		87.272.727	5.104.960.000			5.192.232.727
- <i>Mua trong kỳ</i>		87.272.727	5.104.960.000			5.192.232.727
Giảm trong kỳ						
Số dư cuối kỳ	40.909.090.909	13.696.705.454	5.104.960.000			59.710.756.363
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	596.590.908	724.632.205				1.321.223.113
Tăng trong kỳ	511.363.648	510.465.935				1.021.829.583
- <i>Số khấu hao trong kỳ</i>	511.363.648	510.465.935				1.021.829.583
Giảm trong kỳ						
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối kỳ	1.107.954.556	1.235.098.140				2.343.052.696
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	40.312.500.001	12.884.800.522				53.197.300.523
2. Tại ngày cuối kỳ	39.801.136.353	12.461.607.314	5.104.960.000			57.367.703.667

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	37.065.000		23.997.600	
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	32.000.000		23.997.600	
- Chi phí bảo trì đường bộ	5.065.000			
b) Dài hạn	221.678.226		127.838.513	
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	221.678.226		127.838.513	
Cộng	258.743.226		151.836.113	

8 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	5.081.349.000	5.081.349.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Vay ngân hàng (*)	5.081.349.000	5.081.349.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Vay các đối tượng khác				
b) Vay dài hạn	3.370.000.000	3.370.000.000	-	-
Vay ngân hàng (**)	3.370.000.000	3.370.000.000	-	-
Vay các đối tượng khác				
Cộng	8.451.349.000	8.451.349.000	5.500.000.000	5.500.000.000

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình- CN Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức số 2887/15/TD-TT/II ngày 29 tháng 06 năm 2015 với hạn mức 20 tỷ đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng tổng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên từng giấy nhận nợ tối đa không quá 09 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể từng phụ lục hợp đồng kèm theo. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh bao bì.

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Qu ốc dân - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số 001/14/HĐTD/104-11 ngày 19 tháng 12 năm 2014 với số tiền 5,5 tỷ đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 11,5%/năm sẽ được thay đổi 03 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu hoặc khi có thay đổi các quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến lãi suất vay, mục đích vay thanh toán tiền mua hạt nhựa.

(**) Vay dài hạn ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 005/15/HĐTD/104 - 11 ngày 08 tháng 05 năm 2015 với số tiền vay 3,37 tỷ đồng, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay 9,5%/năm áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên sẽ được thay đổi sau mỗi 03 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên hoặc khi có thay đổi các quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến lãi suất vay mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay tăng lên, mục đích vay mua 01 xe ô tô Mercedes - Benz S500L phục vụ đi lại.

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	12.682.930.267	12.682.930.267	14.535.596.524	14.535.596.524
Công ty Cổ phần Thương mại và XNK Liên Việt	3.139.900.200	3.139.900.200	1.613.729.582	1.613.729.582
- Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	1.480.564.690	1.480.564.690	617.364.690	617.364.690
- Công ty TNHH Công Phát	1.464.800.000	1.464.800.000	1.464.800.000	1.464.800.000
- Công ty TNHH Dệt kim Phú Vinh Hưng	2.550.067.600	2.550.067.600	6.650.067.600	6.650.067.600
- Các đối tượng khác	4.047.597.777	4.047.597.777	4.189.634.652	4.189.634.652
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Cộng	12.682.930.267	12.682.930.267	14.535.596.524	14.535.596.524

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Cuối kỳ
	a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)			
- Thuế GTGT	191.947.029	-	191.947.029	-
- Thuế TNDN	1.521.767.726	1.743.549.876	1.020.668.551	2.244.649.051
Cộng	1.713.714.755	1.743.549.876	1.212.615.580	2.244.649.051